

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tự Tín.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thoàn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1981 (*Có mặt*).

Địa chỉ: ấp ST, xã NH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Ông Châu Minh T, sinh năm: 1980 (*Vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: ấp TĐ, xã ĐP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 04-02-2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Châu Minh T do quen biết nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình đã đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào tháng 10 năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP vào ngày 10-10-2002. Nữ trang ngày cưới bên chồng có cho 02 chỉ vàng 24K, thời gian vợ chồng chung sống đã bán hết để lo làm ăn nên hiện không còn. Sau ngày cưới, thời gian đầu vợ chồng chung

sống có hạnh phúc, đến khoảng tháng 10 năm 2003 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông Tuấn không chăm lo làm ăn mà thường xuyên rượu chè say xỉn rồi về nhà gây chuyện đánh bà nhiều lần. Vào tháng 12 năm 2016, ông T có đánh và đuổi bà đi, nên bà đã về ở bên nhà cha mẹ ruột ở ấp ST, xã NH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh vài ngày rồi quay về ở lại bên chồng, nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình, tiếp tục chửi và đánh đuổi bà đi, từ đó bà về ở luôn bên nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với ông T từ tháng 12 năm 2016 đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không khả năng hàn gắn được nữa, nên bà xin được ly hôn với ông Châu Minh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Châu Thị Quế T, sinh ngày 05-8-1999 hiện đã có chồng có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà chưa đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Trà Vinh – Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C số tiền 13.000.000 đồng (món vay hộ cận nghèo 5.000.000 đồng và món vay hộ nghèo về nhà ở 8.000.000 đồng), bà yêu cầu chia đôi số nợ chung, bà và ông T mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng là 6.500.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 30-5-2017 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, rút yêu cầu giải quyết về nợ chung: Do trong quá trình giải quyết vụ án, giữa bà và Ngân hàng chính sách xã hội đã thống nhất thỏa thuận được với nhau là bà tự nguyện cam kết trả toàn bộ số tiền nợ 13.000.000 đồng cho Ngân hàng và phía Ngân hàng đồng ý để bà thanh toán toàn bộ số tiền nợ, phía Ngân hàng đã có đơn không khởi kiện nộp cho Tòa án.

** Quá trình Tòa án mời giải quyết vụ án, bị đơn ông Châu Minh T đều vắng mặt không lý do. Ngày 17-5-2017, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà ông T để trực tiếp lấy lời khai, ông T trình bày ý kiến nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản lấy lời khai. Nội dung ông T trình bày như sau:*

Ông và bà Nguyễn Thị T đi đến hôn nhân do tự quen biết, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nữ trang ngày cưới ông không nhớ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống hàng ngày nhiều lúc ông có say xỉn, nên vợ chồng có xảy ra cự cãi nhưng không đến mức phải ly hôn. Vào khoảng cuối năm 2016, vợ ông tự ý bỏ về ở bên nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với ông cho đến nay. Ông không tìm hoặc liên lạc để bà T quay về vì ông cho rằng bà T “*tự đi được thì tự về được*”. Nay ông còn thương vợ, nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là Châu Thị Quế T, sinh ngày 05-8-1999 hiện đã có chồng có gia đình riêng. Về tài sản chung: Do ông không đồng ý ly hôn, nên tài sản chung ông không ý kiến. Về nợ chung: Ông không biết. Ông xác nhận có nhận được các thông báo triệu tập đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng ông không muốn ly hôn, nên ông không ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không đến Tòa. Ông cũng không cung cấp chứng cứ để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa ông và bà T còn khả năng hàn gắn được.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Châu Minh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T; cho bà T được ly hôn với ông Châu Minh T. Các vấn đề khác về con chung: đã thành niên, tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn chưa đặt ra yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Châu Minh T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo triệu tập ông đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, dự phiên đối chất vào các ngày 09-5-2017, 30-5-2017 nhưng ông T đều vắng mặt không lý do. Ngày 03-6-2017, Tòa án triệu tập hợp lệ ông để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 14-6-2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C nhưng ông T vắng mặt không lý do. Ngày 14-6-2017, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông T để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 22-6-2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Châu Minh T theo luật định.

[3] *Về hôn nhân:* Xét thấy bà Nguyễn Thị T và ông Châu Minh T xác lập quan hệ hôn nhân năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP vào ngày 10-10-2002, nên hôn nhân của bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà T cho rằng xảy ra từ khoảng tháng 10 năm 2003, nguyên nhân là do ông T uống rượu thường xuyên, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, mỗi lần đi nhậu về nhà là kiểm chuyện cự cãi, gây gổ và đánh bà T, sự việc xảy ra nhiều lần, bà có báo với chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải, vì tình nghĩa vợ chồng, bà cố gắng chịu đựng chờ ông

T sửa đổi tính tình, nhưng ông vẫn không sửa đổi mà ngày càng phát sinh thêm, làm cho bà lo sợ, tình cảm vợ chồng phai nhạt, sự việc kéo dài đến khoảng tháng 12 năm 2016 do bị ông T đánh đuổi đi khỏi nhà, nên bà T bỏ về ở bên nhà cha mẹ ruột vài ngày rồi quay về nhà, nhưng bị ông T tiếp tục chửi, đánh, đuổi đi nên bà về ở luôn bên nhà cha mẹ ruột và chấm dứt tình cảm vợ chồng với ông T cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, bà T cương quyết xin được ly hôn với ông T.

[4] Tại biên bản lấy lời khai, ông T cho rằng quá trình vợ chồng chung sống giữa ông và bà T cũng có những mâu thuẫn cự cãi với nhau, tuy nhiên không đến mức nghiêm trọng phải ly hôn. Vào khoảng cuối năm 2016, sau khi vợ chồng xảy ra cự cãi thì bà T tự ý bỏ về ở bên nhà cha mẹ ruột của bà và sống ly thân với ông cho đến nay. Ông T xác định vẫn còn tình cảm với bà T, muốn vợ chồng hàn gắn để chăm lo cho con, nên ông không đồng ý ly hôn.

[5] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Bà T và ông T xác lập hôn nhân năm 1997, tính đến năm 2016 thì vợ chồng đã chung sống với nhau được hơn 19 năm. Quá trình sống chung, có những lúc vợ chồng chưa thống nhất với nhau về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông T, bà T phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống vợ chồng một cách tốt đẹp nhất, nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, khi bất hòa xảy ra thì ông T, bà T không kiềm chế được hành vi và cách cư xử của bản thân, đã có những lời nói không chuẩn mực, dẫn đến cự cãi thậm chí xô xát với nhau.

[6] Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-5-2017 có sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương ấp TĐ, xã ĐP, thì ông T xin đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng ông không đưa ra được hướng đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông T và bà T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2016 đến nay đã gần bảy tháng. Trong khoảng thời gian này, ông bà không có gặp gỡ, trao đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, từ đó cho thấy khả năng đoàn tụ gia đình là không có kết quả.

[7] Mặt khác, theo Biên bản xác minh ngày 27-4-2017 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp TĐ, xã ĐP - nơi cư trú của vợ chồng bà T, ông T đã xác nhận có sự việc quá trình chung sống giữa vợ chồng ông T, bà T có nhiều lần cự cãi thậm chí dẫn đến xô xát với nhau. Nên có cơ sở xác định giữa ông T, bà T đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Việc ông T trình bày giữa ông và bà T không có mâu thuẫn lớn đến mức phải ly hôn là không có căn cứ.

[8] Tại phiên tòa hôm nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn và bà cương quyết xin ly hôn với ông T là có cơ sở, đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu này, cho bà T được ly hôn với ông T.

[9] *Về con chung*: Ông T và bà T chung sống có một người con chung tên Châu Thị Quế T, sinh ngày 05-8-1999 đã trưởng thành, có gia đình riêng, bà T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[10] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng bà T chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[11] *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà T xác định bà đã tự thỏa thuận giải quyết xong nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết; Đồng thời Tòa án có nhận được *Đơn không khởi kiện* đề ngày 09-5-2017 của Ngân hàng chính sách xã hội Trà Vinh – Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C về việc Ngân hàng đồng ý một mình bà T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng và không khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ vay đối với bà T, do đó Tòa án miễn xét.

[12] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Châu Minh T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không đặt ra yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo Biên lai số AA/2015/0010223 ngày 21-4-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà

có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã ĐP;
- Lưu VP; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thanh Thảo